

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST

Ngày: 21-8-2020

V/v “Hứa thưởng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hảo

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2020/TLST-DS ngày 22/6/2020 về “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-DS ngày 13/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn R, sinh năm 1950. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp T, xã Th, huyện V, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Tô Thị Đ, sinh năm 1950. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

(Ông R, bà Đ có mặt, ông N vắng mặt lần thứ hai không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2020 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2015 vợ chồng ông có khiếu nại, khởi kiện phần đất tọa lạc tại xã B, huyện M thì qua người giới thiệu ông biết ông Lê Văn N, ông N hứa lo tất cả giấy tờ cho ông. Vợ ông là bà Tô Thị Đ là người khởi kiện, sẽ ủy quyền cho ông N

tham gia tố tụng và lo giấy tờ cho ông bà. Giữa ông và ông N thỏa thuận ông đưa ông N tiền trong quá trình làm giấy tờ nếu gia đình ông không thắng kiện thì ông N trả tiền lại cho ông. Trong quá trình thực hiện việc khởi kiện, từ năm 2015 đến năm 2020 ông đã đưa cho ông N tổng số tiền 69.000.000 đồng, trong đó có 17.000.000 đồng tiền mượn. Sau đó, ông N báo với vợ chồng ông là thắng kiện nên chờ giấy của Tòa án gửi về. Một thời gian không thấy tin thì ông liên hệ Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H mới biết ông N không đến dự phiên tòa lần nào nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết xét xử phúc thẩm theo Quyết định số 773/2019/QĐ-PT ngày 29/10/2019, gia đình ông thua kiện.

Sau nhiều lần yêu cầu ông Lê Văn N trả lại số tiền 69.000.000 đồng, ông N cứ hứa hẹn trả nhưng không trả. Đến ngày 23/4/2020 ông N viết biên nhận hẹn ngày 07/5/2020 trả nhưng vẫn không trả. Nên ông khởi kiện yêu cầu ông N trả cho ông số tiền 68.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Phan Văn R thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Lê Văn N trả số tiền 69.000.000 đồng theo biên nhận ngày 23/4/2020.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 29/6/2020 ông Lê Văn N trình bày: Vào năm 2015 ông có nhận ủy quyền của vợ chồng ông Phan Văn R và bà Tô Thị Đ để khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện M về việc thu hồi đất của ông R và bà Đ. Năm 2017 ông cũng nhận ủy quyền từ ông R và bà Đ để khởi kiện tại Tòa án. Khi thỏa thuận ủy quyền hai bên không thỏa thuận về tiền thù lao mà thủ tục tới đâu sẽ trả tiền đến đó, ông R đưa tiền ông nhiều lần và không nhớ cụ thể, chỉ nhớ khoảng 50.000.000 đồng.

Phiên Tòa phúc thẩm, ông có tham gia 02 lần, còn lần thứ 03 do ông bệnh nên không tham gia được nên Tòa án cấp cao đã đình chỉ giải quyết vụ án, hiện nay ông đã làm đơn kêu oan cho bà Đ và có phiếu chuyển đơn.

Đối với biên nhận ngày 23/4/2020 là do ông viết nhưng do ông R và bà Đ gây áp lực cho ông nên ông mới viết. Ông không đồng ý trả 68.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn R.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Đ trình bày: Bà là vợ ông Phan Văn R, bà thống nhất với lời trình bày của ông Phan Văn R, không có ý kiến bổ sung.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tất cả đều tuân theo pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn ông Lê Văn N chưa thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện ông Lê Văn N có nhận ủy quyền từ ông Phan Văn R và bà Tô Thị Đ thực hiện việc nộp đơn khởi kiện và tham gia các phiên tòa do Tòa án nhân dân triệu tập. Trong hợp đồng ủy quyền của các bên

không thể hiện việc thỏa thuận về chi phí hay thù lao cho ông N. Tuy nhiên, căn cứ giấy biên nhận đề ngày 30/10/2019 thể hiện ông N có nhận 68.000.000 đồng từ ông R để tham gia tố tụng tại Tòa án, trong biên nhận cũng thể hiện việc thỏa thuận giữa hai bên “nếu thắng kiện thì số tiền 68.000.000 đồng sẽ hủy bỏ, không thắng kiện thì ông N sẽ hoàn lại số tiền cho ông R” và thực tế sau khi nhận ủy quyền, ông N chưa thực hiện đúng thỏa thuận, cụ thể ông N không tham dự phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án do ông R, bà Đ ủy quyền tham gia với tư cách đại diện cho nguyên đơn, do đó Tòa án đã đình chỉ xét xử phúc thẩm làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của ông R, bà Đ.

Căn cứ giấy biên nhận đề ngày 23/4/2020 thể hiện ông N hẹn đến ngày 07/5/2020 sẽ trả lại số tiền trên cho ông R nhưng đến nay ông N chưa trả lại tiền cho ông R nên xét thấy yêu cầu của ông R là có cơ sở chấp nhận.

Ông N cho rằng ông chỉ nhận tổng số tiền 50.000.000 đồng từ ông R và cho rằng đây là chi phí ông thay mặt ông R, bà Đ tham gia vụ kiện theo ủy quyền của ông R; đồng thời, việc ông ký biên nhận nợ 68.000.000 đồng là do ông R, bà Đ đã gây áp lực cho ông nhưng ông N không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc ông R, bà Đ gây áp lực buộc ông ký biên nhận nợ. Do đó lời trình bày của ông N là không có cơ sở.

Đề nghị áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 120, 166 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Khi thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp đòi tài sản nhưng tại phiên tòa ông R và bà Đ xác định có thỏa thuận cho ông Lê Văn N tiền khi thắng vụ kiện nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là “Hứa thưởng”. Bị đơn ông Lê Văn N có nơi cư trú tại ấp T, xã Th, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Lê Văn N vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung khởi kiện:

[3.1] Giữa ông Phan Văn R, bà Tô Thị Đ và ông Lê Văn N thừa nhận có thỏa thuận việc bà Đ ủy quyền cho ông N tham gia tố tụng tại Tòa án trong vụ kiện hành chính đối với UBND huyện M. Tại Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hành chính số 773/2019/QĐ-PT ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H thể hiện Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà phía người kháng cáo vắng mặt. Ông Lê Văn N thừa nhận không tham gia phiên tòa nên dẫn đến việc Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm. Tại biên nhận ngày 30/10/2019 thể hiện ông N nhận 68.000.000 đồng, nếu thắng kiện thì số tiền này hủy bỏ, không thắng kiện ông N hoàn lại số tiền cho ông R.

[3.2] Tại đơn khởi kiện ông Phan Văn R khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn N trả số tiền 68.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa ông R yêu cầu ông N trả số tiền 69.000.000 đồng theo giấy viết tay do ông N viết ngày 23/4/2020 là thuộc trường hợp thay đổi yêu cầu khởi kiện trong phạm vi khởi kiện nên được xem xét. Còn ông N cho rằng ông viết giấy tay trên là do ông R gây áp lực cho ông nhưng ông không có chứng cứ chứng minh.

[3.3] Xét giấy viết tay ngày 23/4/2020 do ông Lê Văn N viết có nội dung “Hôm nay ngày 23/4/2020 đến ngày 07/5/2020 tôi trả lại cho anh 6 = số tiền là 69.000.000, sáu mươi chín triệu, nếu Tòa xử thắng kiện anh 6 trả lại số tiền đó lại cho tôi”. Nên khẳng định có việc thỏa thuận thắng kiện ông N sẽ được số tiền 69.000.000 đồng từ ông R. Tuy nhiên, ông R cho rằng trong 69.000.000 đồng có 17.000.000 đồng tiền ông N mượn nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ông N cho rằng là chi phí để thực hiện việc ủy quyền và chỉ có nhận 50.000.000 đồng là không có căn cứ. Hơn nữa, ông N đã không thực hiện đúng việc tham gia phiên tòa phúc thẩm khi bà Đ ủy quyền, đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Đ. Các văn bản bà Đ ủy quyền cho ông N không thể hiện có thù lao hay chi phí ủy quyền. Nên ông R yêu cầu ông N trả số tiền 69.000.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận. Lời đề nghị của Kiểm sát viên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí: Ông Lê Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với mức 5% tính trên số tiền phải trả cho ông Phan Văn R. Ông Phan Văn R được miễn tiền tạm ứng án phí do thuộc diện người cao tuổi nên không giải quyết về tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 120, 166, 562, 565, 570 và Điều 357 Bộ luật Dân sự,

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn R về việc yêu cầu ông Lê Văn N trả số tiền 69.000.000 đồng.

Buộc ông Lê Văn N phải trả cho ông Phan Văn R 69.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Văn N phải nộp 3.450.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Báo cho đương sự có mặt được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị The